


Soạn Tiếng Anh 6 Unit 8: Language Focus trang 99 (Chân trời sáng tạo)

1 (trang 99 Tiếng Anh 6) Look at the text on page 98 again and complete the example. Then choose the correct words in Rules 1-2

(Nhìn vào đoạn văn trang 98 một lần nữa và hoàn thành ví dụ sao đó chọn từ đúng trong rules 1-2)

- 1 We'retravel by train.
- 2 Igoing away.
- 3 Whatyou going to do this summer?

RULES


- 1 We use *be going to* to talk about present / future plans and intentions.
- 2 We make questions with *be / do + pronoun or noun + going to + verb*.

Hướng dẫn làm

Ví dụ

1. going to	2. 'm not	3. are
-------------	-----------	--------

Nguyên tắc

1. future
2. be

2. (trang 99 Tiếng Anh 6) Complete the sentences with the affirmative or negative form of *be going to* and the verbs in the brackets

(Hoàn thành các câu sau với dạng khẳng định hoặc phủ định của động từ trong ngoặc)

I'm going to *see* (see) a film at the cinema. ✓
 They *aren't going to go* (go) to school tomorrow. ✗
 1 You (visit) your grandparents tomorrow. ✓
 2 They (travel) by train. ✗
 3 Lily (buy) a guidebook for Hà Nội. ✓
 4 I (take) my phone or my tablet. ✗
 5 We (stay) in a modern hotel. ✓
 6 Pavel (study) Vietnamese next year. ✗

Đáp án

1. 're going to visit	2. aren't going to travel	3. 's going to buy
4. 'm not going to stay	5. 're going to stay	6. isn't going to study

Hướng dẫn dịch

1. Tớ sẽ đến thăm ông bà vào ngày mai
2. Tớ sẽ không đi bằng tàu
3. Lily sẽ mua một cuốn sách về Hà Nội
4. Tớ sẽ không cầm điện thoại hoặc máy tính bảng
5. Chúng tớ sẽ ở một khách sạn hiện đại
6. Pavel sẽ không học tiếng Việt năm sau

3 (trang 99 Tiếng Anh 6) Listen and repeat the questions. Underline the stressed words in each question.

Where are you going to stay?

- 1 Are you going to buy a torch?
- 2 What are we going to see?
- 3 How is she going to travel?
- 4 Are we going to stay in a tent?

Hướng dẫn làm bài

- 1 Are you going to buy a torch?
- 2 What are we going to see?
- 3 How is she going to travel?
- 4 Are we going to stay in a tent?

Hướng dẫn dịch

1. Cậu có định mua một cái đèn pin không?
2. Chúng ta định đi xem gì vậy?
3. Cô ấy sẽ di chuyển bằng phương tiện gì vậy?
4. Chúng ta sẽ ở trong lều à?

4 (trang 99 Tiếng Anh 6) Look at the examples and complete rules 1-4

(Hoàn thành ví dụ và hoàn thành các rules 1-4)

- 1 We use to make affirmative sentences about future predictions. The short form is
- 2 We use *will not* for negative sentences. The short form is
- 3 In questions, we use + noun / pronoun + verb.
- 4 In short answers, we use *Yes / No* + pronoun + /

Đáp án

1. will/'ll	2. won't	3. will
4/ will/won't		

5 (trang 99 Tiếng Anh 6) Nick and his family are going to move from London to Australia. Write questions and answers about his future

(Nick và gia đình sẽ chuyển từ London đến Úc. Viết câu hỏi và câu trả lời về tương lai của anh ấy)

- Nick / like / Australia? ✓
 Will Nick like Australia? Yes, he will.
- 1 Nick's family / live / in a big house? ✗
 - 2 Nick / make / many new friends? ✓
 - 3 Nick / learn / a new language? ✗
 - 4 be / hot and sunny / in December? ✓
 - 5 Nick's family / have a barbecue on the beach / in January? ✓
 - 6 Nick's friends in London / visit / him next summer? ✗

Hướng dẫn làm bài

1. Will Nick's family live in a big house? No, they won't
2. Will Nick make many new friends? Yes, he will

3. Will Nick learn a new language? No, he won't
4. Will it be hot and sunny in December? Yes, it will
5. Will Nick's family have a barbecue on the beach in January? Yes, they will
6. Will Nick's friends in London visit him next summer? No, they won't

Hướng dẫn dịch

1. Gia đình Nick sẽ sống trong một ngôi nhà lớn chứ? Không, họ sẽ không
2. Nick sẽ kết nhiều bạn mới chứ? Vâng, anh ấy sẽ
3. Nick sẽ học một ngôn ngữ mới chứ? Không, anh ấy sẽ không
4. Trời sẽ nóng và nắng vào tháng mười hai? Nó sẽ được thôi
5. Gia đình Nick sẽ tổ chức tiệc nướng trên bãi biển vào tháng Giêng chứ? Có, họ sẽ
6. Bạn bè của Nick ở London sẽ đến thăm anh ấy vào mùa hè tới chứ? Không, họ sẽ không